|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS HOẰNG PHÚ**TỔ KHOA HOC TỰ NHIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

 **KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC: KHOA HỌC TỰ NHIÊN - KHỐI LỚP 7**

(Năm học 2023 - 2024)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 02**; Số học sinh: 54 ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**: không**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 03; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0; Đại học: 3; Trên đại học:0.

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt: 03 ; Khá:0 ; Đạt: 0; Chưa đạt: 0

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Hoá chất: Kẽm, CuSO4, nước cất Dụng cụ: - Ống nghiệm, đèn cồn, ống thủy tinh, phễu nhựa, giấy lọc, cốc thủy tinh, kẹp gỗ, ống nhỏ giọt  + Pin, bóng đèn pin, lăng kính thủy tinh, đèn pin, ổ cắm, công tắc, cầu dao tự động ( áp – tô – mát ). | 4 bộ | Bài mở đầu  |  |
| 2 | Tranh ảnh, mô hình nguyên tử của nguyên tử carbon, nitrogen, oxygen. Bi nhựa to màu đỏ và viên bi nhỏ màu xanhMô hình 4.4 SGK. | 4 bộ | **Bài 1** : Nguyên tử.  |  |
| 3 | Hình ảnh sắp xếp e ở lớp vỏ nguyên tử : Hình 4.4 sgkBảng Tuần hoàn các nguyên tố hóa họcPhiếu học tập |  4 bộ | **Bài 3**: Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học  |  |
| 4 |  Mô hình hạt của đồng, muối ăn ở thể rắn, khí oxygen, khí hiếm helium, khí carbon dioxit | 4 bộ | **Bài 4:** Phân tử. Đơn chất. Hợp chất |  |
| 5 | - Các loại tốc kế, đồng hồ bấm thời gian, thước đo chiều dài. | 4 bộ | **Bài 7**:Tốc độ chuyển động |  |
| 6 | - Các dụng cụ TN: 1 thanh thước đàn hồi, 1 âm thoa,1 cái đinhcó gắng quả cầu nhỏ, 1 giá TN, 1 khay đựng nước, cái tróng, đàn ghi ta, cây sáo | 4 bộ | **Bài 9** Sự truyền âm |  |
| 7 | - Các dụng cụ TN: 1 Trống,dùi,con lắc, giá thí nghiệm | 4 bộ | **Bài 10**: Biên độ,Tần số ,độ to và độ cao của âm  |  |
| 8 | Đồng hồ, ống nhựa rỗng ,1 tấm gỗ nhắn ,1 tấm gỗ gồ ghề | 4 bộ | **Bài 11**: Phản xạ âm |  |
| 9 | Dụng cụ: 1 đèn sợi đốt,Kính lúp,tờ bìa màu đen, nhiệt kế | 4 bộ | **Bài 12**: Ánh sáng, tia sáng |  |
| 10 | - Bộ TN HS khảo sát định luật phản xạ ánh sáng, ảnh của vật qua gương phẳng. | 4 bộ | **Bài 13**: Sự phản xạ ánh sáng |  |
| 11 | - Bộ TN thực hành: 2 nam châm thẳng, 1 nam châm chưa U, 1 kim nam châm, 1 số vật nhỏ bằng sắt, thép, đồng, gỗ, giá TN. | 4 bộ | **Bài 14**: Nam châm |  |
| 12 | - Bộ TN khảo sát về từ trường | 4 bộ | **Bài 15:** Từ trường |  |
| 13 | - La bàn,Địa cầu | 4 bộ | **Bài 16**: Từ trường Trái Đất |  |
| 14 | -Bộ dụng cụ thí nghiệm phát hiện tinh bột trong lá cây+ Mẫu vật: Một chậu khoai lang+ Dụng cụ: Băng đen, dung dịch iodine 1%, ethanol 70%, bình thuỷ tinh miệng rộng, đèn cồn, cốc đong, nước, kẹp, đĩa petri, ống nghiệm, kiềng, tấm tán nhiệt (gause), diêm ( hoặc bật lửa)-Bộ dụng cụ thí nghiệm chứng minh khí carbondioxide cần cho Quang hợp)+ Mẫu vật: Hai chậu khoai lang+ Dụng cụ: Hai chuông thuỷ tinh, hai tấm kính, nước vôi trong, dung dịch iodine 1%, ethanol 70%, cốc thuỷ tinh miệng rộng, đèn cồn, nước, đĩa petri-Mẫu báo cáo kết quả thí nghiệm.-Máy tính, máy chiếu ( máy tính, TV). | 4 bộ | **Bài 20:** Thực hành: Quang hợp ở cây xanh | Phòng Hoá-Sinh |
| 15 | -Tranh, ảnh về quá trình hô hấp tế bào-Dụng cụ thí nghiệm về hô hấp tế bào cần oxygen ở hạt nảy mầm.+ Mẫu vật: 100g hạt đậu ( hoặc hạt lúa, hạt ngô….) nảy mầm+ Dụng cụ: Bình thuỷ tinh dung tích 1l, nắp đậy, que kim loại có giá đỡ nến, hai cây nến nhỏ, bật lửa hoặc diêm-Phiếu báo cáo kết quả thí nghiệm.-Máy tính, máy chiếu ( máy tính, TV). | 4 bộ | **Bài 21:** Hô hấp ở Tế bào | Phòng Hoá-Sinh |
| 16 | Tranh ảnh mô tả hệ rễ cây, quá trình hấp thụ và vận chuyển các chất trong cây, sự thoát hơi nước qua lá.-Dụng cụ thí nghiệm vận chuyển nước ở thân cây:+ Mẫu vật: 2 cành hoa cúc trắng+ Dụng cụ hoá chất: 2 cốc thuỷ tinh, nước sach, dao nhỏ hoặc kéo, hai lọ phẩm màu khác nhau ( màu xanh và màu đỏ)-Dụng cụ thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước+ Mẫu vật: 2 chậu cây nhỏ cùng loài, cùng kích cỡ+ Dụng cụ: 2 túi nilon to, trong suốt-Máy tính, máy chiếu ( máy tính, TV) | 4 bộ | **Bài 25:** Thực hành: Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật | Phòng Hoá-Sinh |
| 17 | -Dụng cụ: + Chai nhựa đã qua sử dụng,đất trồng cây,bình tưới có vòi phun sương,nước ấm, dao hoặc kéo.+ thước đo, nhiệt kế+ Video hoặc tranh ảnh về quá trình sinh trưởng phát triển ở một số loài động vật: muỗi, bướm…-Mẫu vật: Hạt đậu,ngô, lạc… | 4 bộ | **Bài 27:** Thực hành: Cảm ứng ở sinh vật |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** *(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Phòng Hoá- Sinh | 01 | Bài mở đầu |  |
| 2 | Phòng Hoá -Sinh | 01 | **Bài 20:** Thực hành Quang hợp ở cây xanh |  |
| 3 | Phòng Hoá -Sinh | 01 | Bài 21: Hô hấp của Tế bào |  |
| 4 | Phòng Hoá- Sinh | 01 | **Bài 25:** Thực hành: Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình: Cả năm: 140 tiết Sinh học: 60 tiết Vật lý: 45 tiết Hóa học: 35 tiết**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học****(1)** | **Số tiết****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** |
| **PHÂN MÔN HÓA HỌC 35 tiết (Kỳ I: 18 tiết - 1 tiết/ tuần Kỳ II: 17 tiết - 1 tiết/tuần)** |
| 1 | Bài mở đầu | 2 | - Lập được kế hoạch thực hiện trong hoạt động học tập - Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị và mẫu vật trong hoạt động học tập - Ghi chép, thu thập được các số liệu quan sát và đo đạc - Phân tích và giải thích được các số liệu quan sát, đánh giá kết quả  |
| **Chủ đề 1: Nguyên tử. Nguyên tố hoá học** |
| 2 | **Bài 1**: Nguyên tử | 4 | - Mô tả được thành phần cấu tạo nguyên tử, thành phần hạt nhân, mối quan hệ giữa số proton và số electron.- Phát biểu được khái niệm nguyên tử, nguyên tố hoá học, nguyên tử khối. |
| 3 | **Bài 2**: Nguyên tố hóa học  | 4 | - Phát biểu được khái niệm về nguyên tố hóa học và kí hiệu nguyên tố hóa học - Viết được kí hiệu hóa học và đọc tên được 20 nguyên tố đầu tiên |
| 4 | **Bài 3:** Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóc học | 7 | - Nêu được các nguyên tắc xây dựng bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học- Mô tả được cấu tạo bảng tuần hoàn gồm ô, nhóm, chu kì- Sử dụng được bảng tuần hoàn để chỉ ra các nhóm nguyên tố kim loại, phi kim, khí hiếm. |
| 5 | Ôn tập cuối kì 1 | 1 | -Củng cố, luyện tập các nội dung kiến thức về nguyên tử, nguyên tố hóa học, bảng tuần hoàn các NTHH.-Kiểm tra thường xuyên |
| 6 | **Bài 4:** Phân tử. Đơn chất. Hợp chất | 4 |  - Nêu được khái niệm đơn chất, hợp chất và phân tử- Đưa ra được một số ví dụ về đơn chất và hợp chất- Tính được khối lượng phân tử theo đơn vị amu |
| 7 | **Bài 5**: Giới thiệu về liên kết hoá học | 5 | - Nêu được mô hình sắp xếp các electron trong vỏ nguyên tử của một số khí hiếm- Nêu dược sự hình thành liên kết cộng hóa trị theo nguyên tắc dùng chung e để tạo lớp e ngoài cùng giống nguyên tử khí hiếm- Nêu được sự hình thành liên kết ion theo nguyên tắc cho – nhận e để tạo ion có lớp e ngoài cùng giống nguyên tử khí hiếm- Chỉ ra được sự khác nhau về một số tính chất của hợp chất ion và hợp chất cộng hóa trị. |
| 8 | Ôn tập giữa kì 2 | 1 | -Củng cố, luyện tập các nội dung kiến thức về bảng tuần hoàn các NTHH, đơn chất, hợp chất, phân tử, giới thiệu về liên kết.-Kiểm tra thường xuyên |
| 9 | Kiểm tra giữa kì 2 | 1 |  |
| 10 |  **Bài 6**: Hoá trị. Công thức hoá học. | 4 | - Trình bày được khái niệm về hóa trị cho chất cộng hóa trị, cách viết CTHH- Viết được CTHH của một số chát và hợp chất đơn giản thông dụng- Nêu được mối liên hệ giữa hóa trị của nguyên tố với CTHH của nó- Tính được phần trăm nguyên tố trong hợp chất khi biết CTHH và xác định được CTHH của hợp chất dựa vào phần trăm nguyên tố và khối lượng phân tử. |
| 11 | Ôn tập cuối kì 2 | 1 | Củng cố, luyện tập các nội dung kiến thức về đơn chất, hợp chất, phân tử, giới thiệu về liên kết, hoá trị CTHH. |
| 12 | Kiểm tra cuối kì 2 | 1 |  |
| **PHÂN MÔN VẬT LÝ****45 tiết ( Học kỳ I: 18 tiết – 1 tiết/tuần Học kỳ II: 27 tiết - 7 tuần ĐKII x 1 tiết/tuần và 10 tuần CKII x 2 tiết/tuần)** **Chủ đề 4: Tốc độ** |
| 1 | Bài mở đầu | 1 | - Lập được kế hoạch thực hiện trong hoạt động học tập - Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị và mẫu vật trong hoạt động học tập - Ghi chép, thu thập được các số liệu quan sát và đo đạc - Phân tích và giải thích được các số liệu quan sát, đánh giá kết quả  |
| 2 | **Bài 7**:Tốc độ chuyển động | 5 | - Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ, xác định được tốc độ qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng, *tốc độ = quãng đường vật đi/thời gian đi quãng đường đó*. - Liệt kê được một số đơn vị đo tốc độ thường dùng.- Nêu được ý nghĩa vật lí của tốc độ.- Mô tả được sơ lược cách đo tốc độ bằng đồng hồ bấm giây và cổng quang điện trong dụng cụ thực hành ở nhà trường; thiết bị “bắn tốc độ” trong kiểm tra tốc độ các phương tiện giao thông.- Xác định được tốc độ trung bình qua quãng đường vật đi được trong khoảng thời gian tương ứng. |
| 3 | **Bài 8**: Đồ thị quãng đường – thời gian | 6 | - Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng.- Từ đồ thị quãng đường – thời gian cho trước, tìm được quãng đường vật đi (hoặc tốc độ, hay thời gian chuyển động của vật) |
| 4 | Ôn tập giữa Học kỳ I | 1 | Nắm vững các kiến thức về Tốc độ chuyển động ,đồ thị. |
| **Chủ đề 5: Âm thanh** |
| 5 | **Bài 9:** Mô tả sóng âm | 3 | - Thực hiện thí nghiệm tạo sóng âm (như gảy đàn, gõ vào thanh kim loại,...) để chứng tỏ được sóng âm có thể truyền được trong chất rắn, lỏng, khí.- Giải thích được sự truyền sóng âm trong không khí. |
|  6 | **Bài 10**: Độ to và độ cao của âm | 2 | - Từ hình ảnh hoặc đồ thị xác định được biên độ và tần số sóng âm.- Nêu được đơn vị của tần số là hertz (kí hiệu là Hz). |
| 7 | Ôn tập cuối Học kỳ I | 1 | Nắm vững các kiến thức về Tốc độ chuyển động ,đồ thị,độ to của âm. |
| 8 | **Bài 10**: Độ to và độ cao của âm (tiếp) | 3 | - Nêu được sự liên quan của độ to của âm với biên độ âm.- Sử dụng nhạc cụ (hoặc học liệu điện tử, dao động kí) chứng tỏ được độ cao của âm có liên hệ với tần số âm |
| 9 | **Bài 11**: Phản xạ âm | 2 | - Lấy được ví dụ về vật phản xạ âm tốt, vật phản xạ âm kém.- Giải thích được một số hiện tượng đơn giản thường gặp trong thực tế về sóng âm- Đề xuất được phương án đơn giản để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khoẻ. |
| **Chủ đề 6: Ánh sáng** |
| 10 | **Bài 12**: Ánh sáng, tia sáng | 3 | - Nêu được ánh sáng là một dạng của năng lượng.- Mô tả được các bước tiến hành thí nghiệm thu được năng lượng ánh sáng.- Mô tả được các bước tiến hành thí nghiệm tạo ra được mô hình tia sáng bằng một chùm sáng hẹp song song.- Thực hiện được thí nghiệm thu được năng lượng ánh sáng.- Thực hiện được thí nghiệm tạo ra được mô hình tia sáng bằng một chùm sáng hẹp song song.- Vẽ được hình biểu diễn vùng tối do nguồn sáng rộng và vùng tối do nguồn sáng hẹp. |
| 11 | Kiểm tra giữa kì II | 1 |  |
| 12 | **Bài 13**: Sự phản xạ ánh sáng | 5 | - Vẽ được hình biểu diễn và nêu được các khái niệm: tia sáng tới, tia sáng phản xạ, pháp tuyến, góc tới, góc phản xạ, mặt phẳng tới, ảnh.- Thực hiện được thí nghiệm rút ra định luật và phát biểu được nội dung của định luật phản xạ ánh sáng.- Nêu được tính chất ảnh của vật qua gương phẳng và dựng được ảnh của một vật tạo bởi gương phẳng.- Vận dụng được định luật phản xạ ánh sáng trong một số trường hợp đơn giản. |
| **Chủ đề 7: Tính chất từ của chất** |
| 13 | **Bài 14**: Nam châm | 4 | - Tiến hành thí nghiệm để nêu được:+ Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau;+ Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm). |
| 14 | **Bài 15**: Từ trường | 4 | - Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm.- Nêu được khái niệm đường sức từ và vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm. |
| 15 | **Bài 16**: Từ trường Trái Đất | 2 | - Dựa vào ảnh (hoặc hình vẽ, đoạn phim khoa học) khẳng định được Trái Đất có từ trường.- Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau.- Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí. |
| 16 | Ôn tập cuối kỳ II | 1 | Nắm vững các kiến thức về âm.thanh,ánh sáng và tính chất từ của chất. |
| 17 | Kiểm tra cuối kì II | 1 |  |
| **PHÂN MÔN SINH HỌC****60 tiết ( Học kỳ I: 36 tiết - 2 tiết/tuần Học kỳ II: 24 tiết - 7 tuần ĐKII x 2 tiết/tuần và 10 tuần CKII x 1 tiết/tuần)** |
| **Chủ đề 8: Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng** |
| 1 | Bài mở đầu | 3 | - Lập được kế hoạch thực hiện trong hoạt động học tập - Sử dụng được các dụng cụ, thiết bị và mẫu vật trong hoạt động học tập - Ghi chép, thu thập được các số liệu quan sát và đo đạc - Phân tích và giải thích được các số liệu quan sát, đánh giá kết quả  |
| 2 | **Bài 17**: Vai trò của Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở Sinh Vật | 3 | - Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.-Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể |
| 3 | **Bài 18**: Quang hợp ở Thực vật | 4 | - Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây.- Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp.- Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. -Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. |
| 4 | **Bài 19**: Các yếu tố ảnh hưởng đến Quang hợp | 2 | - Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.- Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp |
| 5 | **Bài 20**: Thực hành về Quang hợp ở Cây xanh | 2 | -Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh. |
| 6 | **Bài 21**: Hô hấp ở Tế bào | 5 | - Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật).- Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ thể hiện hai chiều tổng hợp và phân giải. |
| **7** | **Kiểm tra giữa học kỳ I** | **2** |  |
| 8 | **Bài 22:** Các yếu tố ảnh hưởng đến hô hấp Tế bào | 2 | - Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào.- Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...).- Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt. |
| 9 | **Bài 23**: Trao đổi khí ở sinh vật | 4 | - Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá. - Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng.-Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người). |
| 10 | **Bài 24**: Vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể Sinh vật | 2 | * Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.
* Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.
* Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng.
 |
| 11 | **Bài 25**: Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở Thực vật | 4 | - Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây;+ Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống);+ Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước;+ Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật;+ Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước; -Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). |
| 12 | **Bài 26**: Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở Động vật | 4 | - Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người);- Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);- Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người.-Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống,...). |
| 13 | Kiểm tra cuối học kỳ I | **2** |  |
| **Chủ đề 9: Cảm ứng ở sinh vật** |
| 14 | **Bài 27**: Khái quát về cảm ứng và cảm ứng ở Thực vật | 2 | -Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở thực vật.-Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinhvật.-Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếpxúc).-Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, trồng trọt). |
| 15 | **Bài 28**: Tập tính ở Động vật | 2 | -Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật; lấy được ví dụ minhhoạ.-Nêu được vai trò của tập tính đối với độngvật.-Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của độngvật.-Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi). |
| **Chủ đề 10: Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật** |
| 16 | **Bài 29**: Khái quát về sinh trưởng và phát triển ở Sinh vật | 2 | - Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. |
| 17 | **Bài 30**: Sinh trưởng và phát triển ở Thực vật | 3 | -Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng- Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớnlên.- Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vậtđó.- Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của thực vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinhdưỡng).- Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kính thích hoặc điều khiển yếu tố môitrường).-Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật. |
| 18 | **Bài 31**: Sinh trưởng và phát triển ở Động vật | 2 | -Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi).- Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng).-Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số động vật. |
| **Chủ đề 11: Sinh sản ở sinh vật** |
| 19 | **Bài 32:** Khái quát về sinh sản và sinh sản vô tính ở sinh vật | 3 | * Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinhvật.
* Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinhvật.
* Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.
* Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minhhoạ.

- Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn. -Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô). |
| 20 | **Bài 33**: Sinh sản hữu tính ở sinh vật | 3 | * Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.
* Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật:

+ Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính.+ Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả.* Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh) mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng).

 - Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính và một số ứng dụng trong thực tiễn. - Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây |
| 21 | **Bài 34:** Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản và điều khiển sinh sản ở Sinh vật | 2 | Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật và điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật. |
| **Chủ đề 12: Cơ thể Sinh vật là một thể thống nhất** |
| 22 | **Bài 35**: Sự thống nhất về cấu trúc và các hoạt động sống trong cơ thể sinh vật | 2 | Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường (tế bào – cơ thể – môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống: trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng sinh trưởng, phát triển – cảm ứng – sinh sản) chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất. |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian****(1)** | **Thời điểm****(2)** | **Yêu cầu cần đạt****(3)** | **Hình thức****(4)** |
| **Giữa Học kỳ 1** | 90 phút | Tuần 9  | HS cần đạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất về: môn khoa học tự nhiên,Nguyên tử ,tốc độ,trao đổi chất,quang hợp ,tế bào. | Viết trên giấy |
| **Cuối Học kỳ 1** | 90 phút | Tuần 18  | HS cần đạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất về Nguyên ttố hoá học,bảng hệ thống tuần hoàn, tốc độ,âm thanh, tế bào ,trao đổi khí, vai trò của nước và chất dinh dưỡng trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở Động vật | Viết trên giấy |
| **Giữa Học kỳ 2** | 90 phút | Tuần 26  | HS cần đạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất về bảng hệ thống tuần hoàn, Phân tử. Đơn chất. Hợp chất. Độ to và độ cao của âm.Phản xạ âm. Ánh sáng, tia sáng,phản xạ ánh sáng . Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở Động vật, cảm ứng và cảm ứng ở Thực vật, Tập tính ở Động vật, Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | Viết trên giấy |
| **Cuối Học kỳ 2** | 90 phút | Tuần 35  | HS cần đạt được các yêu cầu cơ bản về kiến thức, năng lực và phẩm chất về liên kết hoá học,Hoá trị. Công thức hoá học, phản xạ ánh sáng,namchâm,từ trường.Sinh sản ở sinh vật, Cơ thể Sinh vật là một thể thống nhất | Viết trên giấy |

**III. Các nội dung khác (nếu có): Không**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG****Trần Quang Huy** | *HoằngPhú, ngày 28 tháng 8 năm 2023***HIỆU TRƯỞNG****Nguyễn Xuân Dương** |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)